

Số: 98./BC-VTRI

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty**  
**Năm 2020**

**Kính gửi:**

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán,

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY  
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội.

- Điện thoại: (84-24) 38624025

Fax: (84-24) 38622867

Email: info@viendetmay.org.vn

- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

- Mã chứng khoán: VDM

- Mô hình quản trị công ty:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần (CTCP) – Viện Nghiên cứu Dệt May (Công ty).

Hội đồng quản trị (HĐQT): Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định.

Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT.

Ban Kiểm soát (BKS): Do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Ban Giám đốc: Giám đốc Công ty quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Công ty chưa thực hiện.

### **I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày      | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|---------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  |               | 26/6/2020 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo của Ban Lãnh đạo Công ty, kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020.</li> <li>- Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận; Chế độ thù lao của HĐQT, BKS.</li> <li>- Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trong danh sách được Bộ Tài chính cho phép kiểm toán để kiểm toán cho CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May năm 2020.</li> </ul> |

### **II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm):**

#### **1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):**

| Stt | Thành viên HĐQT      | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập . |                 |
|-----|----------------------|------------|-----------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                      |            | Ngày bổ nhiệm                                             | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Phạm Văn Lượng   | Chủ tịch   | 20/9/2018                                                 | -               |
| 2   | Bà Nguyễn Diệp Linh  | Thành viên | 20/9/2018                                                 | -               |
| 3   | Bà Bùi Thị Thái Nam  | Thành viên | 20/9/2018                                                 | -               |
| 4   | Ông Vũ Huy Đông      | Thành viên | 20/9/2018                                                 | -               |
| 5   | Ông Nguyễn Văn Thông | Thành viên | 20/9/2018                                                 | -               |

#### **2. Các cuộc họp HĐQT:**

| Stt | Thành viên HĐQT    | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Phạm Văn Lượng | 03                       | 100%              | -                       |

|   |                      |    |      |   |
|---|----------------------|----|------|---|
| 2 | Bà Nguyễn Diệp Linh  | 03 | 100% | - |
| 3 | Bà Bùi Thị Thái Nam  | 03 | 100% | - |
| 4 | Ông Vũ Huy Đông      | 03 | 100% | - |
| 5 | Ông Nguyễn Văn Thông | 03 | 100% | - |

### **3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:**

**3.1 Công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD:** Căn cứ vào Nghị quyết của ĐHĐCĐ thống nhất thông qua kế hoạch SXKD năm 2020, HĐQT đã giao cho Bộ phận điều hành công ty thực hiện, trong đó tập trung vào các hoạt động cốt lõi của công ty đó là:

*Về nghiên cứu khoa học công nghệ (KH-CN)*

- Các đề tài nghiên cứu khoa học phải tập trung vào chất lượng của các đề tài dự án, lập kế hoạch triển khai cho đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- Giao Ban Giám đốc Công ty chỉ đạo Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Chuyển giao công nghệ cùng các cán bộ có khả năng nghiên cứu thuộc các đơn vị khác trong Công ty tham gia đề xuất các nhiệm vụ khoa học KH-CN cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Sở. Các đề tài dự án của ngành là phải có tính mới, tính ứng dụng cao cho các doanh nghiệp, ngoài ra còn tham gia các nhiệm vụ mang tính chiến lược của ngành khi Bộ yêu cầu.

*Về dịch vụ thử nghiệm và giám định:*

- Giao bộ phận điều hành Công ty cân đối kế hoạch, giao cho các Trung tâm thí nghiệm Dệt May, Trung tâm Giám định & Chứng nhận sản phẩm tại Hà Nội và TP. HCM: Kế hoạch phải tăng so với cùng kỳ năm trước là từ 15-20% và đảm bảo vượt doanh thu theo kế hoạch đã được thông qua.
- Tập trung nghiên cứu phát triển các phương pháp thử và các phép thử mới đáp ứng được một số tiêu chuẩn của Mỹ, EU, Nhật.
- Tập trung giữ vững và phát triển mở rộng tiếp các phép thử của khách hàng Decathlon.
- Thực hiện thử nghiệm liên phòng với các phòng thử nghiệm nước ngoài, tiếp cận và hợp tác tốt với Katri (Hàn Quốc), Nagase (Nhật Bản).
- Tăng cường, quảng bá, marketing với các doanh nghiệp dệt may trong nước để thu hút khách hàng.
- Thực hiện đầu tư bổ sung các thiết bị thí nghiệm đảm bảo hiệu quả, đáp ứng yêu cầu.

*Về SXKD và dịch vụ kỹ thuật*

- Tập trung sản xuất các loại sợi nontwist, các sợi có tính năng cao như sợi tre, sợi

AC và các loại vải tre, pha tre và các sản phẩm có tính ưu việt từ sản phẩm của các đề tài, dự án.

### 3.2 Công tác quản trị Công ty

- Về tổ chức nhân sự, Công ty đã tinh gọn bộ máy từ lãnh đạo Công ty cho đến các Phòng Ban, Trung tâm với phương châm một người kiêm nhiều việc, luôn tạo áp lực để các đơn vị đề phần đấu.

**4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):** Không có.

### **5. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:**

| Stt | Số Nghị quyết    | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 01  | 152NQ/HĐQT-VTRI  | 25/3/2020  | - Xin ý kiến bằng văn bản về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (Đại hội) năm 2020 của CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May sau ngày 30/4/2020.<br>- Lý do gia hạn: Đảm bảo an toàn sức khỏe của cổ đông theo khuyến cáo của Bộ Y tế về việc hạn chế tụ tập đông người trước tình hình dịch bệnh Covid-19 có diễn biến phức tạp.<br>- Dự kiến thời gian tổ chức Đại hội: Trong tháng 6 năm 2020. | 100%            |
| 02  | 297NQ/HĐQT-VTRI  | 06/5/2020  | Thông qua: Quyết toán năm 2019 đã được Bộ Công Thương phê duyệt; Kế hoạch SXKD năm 2020; Các nội dung để chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; Báo cáo kết quả hoạt động quý I năm 2020 và kế hoạch triển khai các hoạt động của quý tiếp theo; Công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021 – 2026.                                                                                                                     | 100%            |
| 03  | 819 NQ/HĐQT-VTRI | 20/10/2020 | - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty 6 tháng đầu năm 2020.<br>- Báo cáo doanh thu hoạt động SXKD của Công ty quý III năm 2020.<br>- Kế hoạch thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty quý IV năm 2020.                                                                                                                                                                                         | 100%            |

|    |                   |            |                                                                                                                                                                                                                           |      |
|----|-------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    |                   |            | - Rà soát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.<br>- Công tác tổ chức, nhân sự Công ty năm 2021.                                                                                                       |      |
| 04 | 1026/NQ-HĐQT-VTRI | 31/12/2020 | - Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020.<br>- Thống nhất kế hoạch SXKD, năm 2021.<br>- Triển khai công tác kiện toàn nhân sự năm 2021.<br>- Nội dung công việc cần tập trung giải quyết trong Quý I năm 2021. | 100% |

### III. Ban kiểm soát:

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

| Sst | Thành viên BKS           | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|--------------------------|------------|------------------------------------------|---------------------|
| 1   | Ông Bùi Tiến Thanh       | Trưởng Ban | 20/9/2018<br>đến 26/6/2020               | Thạc sỹ             |
| 2   | Bà Phạm Hoàng Minh       | Trưởng Ban | Từ 26/6/2020                             | Cử nhân             |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Thanh Uyên | Thành viên | Từ 20/9/2018                             | Thạc sỹ             |
| 4   | Bà Trần Thị Quỳnh Hoa    | Thành viên | Từ 20/9/2018                             | Cử nhân             |

#### 2. Cuộc họp của BKS:

| Sst | Thành viên BKS           | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Bùi Tiến Thanh       | 1                   | 100%              | 100%             |                         |
| 2   | Bà Phạm Hoàng Minh       | 2                   | 100%              | 100%             |                         |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Thanh Uyên | 3                   | 100%              | 100%             |                         |
| 4   | Bà Trần Thị Quỳnh Hoa    | 3                   | 100%              | 100%             |                         |

#### 3. Hoạt động giám sát của BKS: BKS thực hiện công tác giám sát về:

- Tình hình thực hiện và tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 và các Quy định hiện hành của Nhà nước.
- Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020.
- Tình hình tài chính, khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn,

việc cân đối dòng tiền, bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.

- Việc thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát trong kỳ và tình hình thực hiện xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng của Nhà nước trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản kinh doanh tại Công ty.

#### **4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS:**

Hàng tuần, Trưởng BKS thay mặt BKS tham dự họp giao ban với Chủ tịch HĐQT và cơ quan điều hành nên BKS có sự phối hợp tương đối chặt chẽ.

Về công tác tài chính kế toán, Công ty đã tuân thủ luật pháp trong các hoạt động SXKD. Nghiêm chỉnh chấp hành việc kê khai và nộp thuế đầy đủ, đúng hạn cho Ngân sách Nhà nước cũng như việc kê khai, thanh toán đầy đủ, đúng hạn trong việc chi trả Tiền lương cho CBCNV và đóng đầy đủ BHXH, BHYT phát sinh trong kỳ.

#### **5. Hoạt động khác của BKS (nếu có):** Không có.

#### **IV. Ban điều hành**

| <i>STT</i> | <i>Thành viên Ban điều hành</i> | <i>Ngày tháng năm sinh</i> | <i>Trình độ chuyên môn</i> | <i>Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành</i> |
|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Nguyễn Sỹ Phương            | 27/4/1961                  | Tiến sỹ                    | 16/10/2018                                                |
| 2          | Ông Bùi Tiến Thanh              | 01/3/1963                  | Thạc sỹ                    | 02/7/2020                                                 |

#### **V. Kế toán trưởng**

| <i>Họ và tên</i>   | <i>Ngày tháng năm sinh</i> | <i>Trình độ chuyên môn nghiệp vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm</i> |
|--------------------|----------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|
| Ông Tống Đức Quang | 05/9/1977                  | Cử nhân                              | 16/10/2018                       |

#### **VI. Đào tạo về quản trị công ty:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Trong năm 2020, do dịch bệnh Covid-19 nên Công ty không tham gia khóa đào tạo nào về quản trị.

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty**

**1. Danh sách về người có liên quan của công ty**

| STT                      | Tên tổ chức/cá nhân       | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CCCD/CMND/ĐKKD   | Ngày cấp CCCD/CMND/ĐKKD | Nơi cấp CCCD/CMTND/ĐKKD                           | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                      | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|--------------------------|---------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------------|-------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> |                           |                                          |                              |                     |                         |                                                   |                                                                            |                                         |                                           |                                   |
|                          | <b>Ông Phạm Văn Lượng</b> |                                          | <b>Chủ tịch HĐQT</b>         | <b>036069003077</b> | <b>28/07/2017</b>       | <b>Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư</b> | <b>Tập thể Dệt, tổ DP 4, Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội</b>                       | <b>19/9/2018</b>                        | <b>-</b>                                  | <b>Đại diện vốn Nhà nước</b>      |
| 1                        | Phạm Khắc Nhi             |                                          |                              |                     |                         |                                                   | Xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, Nam Định.                                      |                                         |                                           | Bố đẻ (đã mất)                    |
| 2                        | Phạm Thị Chuột            |                                          |                              |                     |                         |                                                   | Xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, Nam Định                                       |                                         |                                           | Mẹ đẻ                             |
| 3                        | Nguyễn Thị Tuyết          |                                          |                              |                     |                         |                                                   | số 12 A tổ dân phố 16 đường Ngô Quyền, phường Quang Trung, hà Đông, Hà Nội |                                         |                                           | Vợ                                |
| 4                        | Phạm Quỳnh Chi            |                                          |                              |                     |                         |                                                   | số 12 A tổ dân phố 16 đường Ngô Quyền, phường Quang Trung, hà Đông, Hà Nội |                                         |                                           | Con đẻ                            |

|    |                |  |  |  |  |  |  |  |                                                                            |  |  |  |  |          |
|----|----------------|--|--|--|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|----------|
| 5  | Phạm Mai Hân   |  |  |  |  |  |  |  | số 12 A tổ dân phố 16 đường Ngô Quyền, phường Quang Trung, hà Đông, Hà Nội |  |  |  |  | Con đẻ   |
| 6  | Phạm Tuấn Kiệt |  |  |  |  |  |  |  | Cầu Đất, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội                                            |  |  |  |  | Anh trai |
| 7  | Phạm Ngọc Anh  |  |  |  |  |  |  |  | Quận Long Biên, Hà Nội                                                     |  |  |  |  | Anh trai |
| 8  | Phạm văn Hào   |  |  |  |  |  |  |  | xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, Nam Định                                       |  |  |  |  | Anh trai |
| 9  | Phạm Thị Mỹ    |  |  |  |  |  |  |  | xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, Nam Định                                       |  |  |  |  | Chị gái  |
| 10 | Phạm Văn Lịch  |  |  |  |  |  |  |  | Lĩnh Nam, Thanh Trì, Hà Nội                                                |  |  |  |  | Anh trai |
| 11 | Phạm Thị Miên  |  |  |  |  |  |  |  | xã Hải Đường, huyện Hải Hậu, Nam Định                                      |  |  |  |  | Chị gái  |
| 12 | Phạm Thị Hiến  |  |  |  |  |  |  |  | xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, Nam Định                                       |  |  |  |  | Em gái   |
| 13 | Phạm Thị Mến   |  |  |  |  |  |  |  | xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, Nam Định                                       |  |  |  |  | Em gái   |
| 14 | Nguyễn Vũ Hiệp |  |  |  |  |  |  |  | số 419 Đường Quang phường Trung, Hà Đông,                                  |  |  |  |  | Bố vợ    |

|    |                        |   |   |  |  |  |  |                 |  |            |  |           |                                                         |                                                                    |                       |
|----|------------------------|---|---|--|--|--|--|-----------------|--|------------|--|-----------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 15 | Trương Thị Đào         |   |   |  |  |  |  | Hà Nội          |  |            |  |           | số 419 Đường trung, Quang phường Trung, Hà Đông, Hà Nội | Mẹ vợ                                                              |                       |
|    | Bà Nguyễn-Diệp Linh    |   |   |  |  |  |  | Thành viên HĐQT |  | 21/6/2008  |  | 11846768  | Công an TP. Hà Nội                                      | Số 7C ngõ Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội                        | Đại diện vốn Nhà nước |
| 1  | Nguyễn Ngọc Giao       | - | - |  |  |  |  |                 |  |            |  |           | Số 30 ngõ 80 Lê-Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội           | Bố đẻ                                                              |                       |
| 2  | Nguyễn Thị-Diệp        | - | - |  |  |  |  |                 |  |            |  |           | Số 30 ngõ 80 Lê-Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội           | Mẹ đẻ                                                              |                       |
| 3  | Nguyễn Minh Châu       | - | - |  |  |  |  |                 |  |            |  |           | -                                                       | Bố chồng (đã mất)                                                  |                       |
| 4  | Nguyễn Thị Thục Phương |   |   |  |  |  |  |                 |  |            |  |           | Nhà 15 lô A5 Đầm Trấu, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội  | Mẹ chồng                                                           |                       |
| 5  | Nguyễn Minh Tâm        | - | - |  |  |  |  |                 |  | 19/01/2010 |  | 011715230 | Công an TP. Hà Nội                                      | Số 7C ngõ Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội | Chồng                 |

|    |                     |   |                 |           |            |                    |                                                                    |            |   |   |   |                       |
|----|---------------------|---|-----------------|-----------|------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------|------------|---|---|---|-----------------------|
| 6  | Nguyễn Minh Đức     | - | -               | -         | -          | -                  | Số 7C ngõ Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội | -          | - | - | - | Con trai              |
| 7  | Nguyễn Minh Anh     | - | -               | -         | -          | -                  | Số 7C ngõ Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội | -          | - | - | - | Con gái               |
| 8  | Nguyễn Hoàng Trinh  | - | -               | -         | 012062981  | 20/9/2012          | Công an TP. Hà Nội                                                 | -          | - | - | - | Em trai               |
| 9  | Ngô Nguyễn Cẩm Tú   | - | -               | -         | 271737839  | 15/11/2001         | Công an Đồng Nai                                                   | -          | - | - | - | Em dâu                |
| 10 | Nguyễn Phương Lan   |   |                 |           |            |                    | 71229 Leonbergrutesheimer Str.15, CHLB Đức.                        |            |   |   |   | Chị chồng             |
| 11 | Nguyễn Châu Thành   |   |                 |           |            |                    | Nhà 15 lô A5 Đầm Trấu, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.            |            |   |   |   | Anh chồng             |
| 12 | Nguyễn Tuyết Mai    |   |                 |           |            |                    | Nhà 15 lô A5 Đầm Trấu, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.            |            |   |   |   | Chị chồng             |
|    | Bà Bùi Thị-Thái Nam |   | Thành viên HĐQT | 012853546 | 23/03/2006 | Công an TP. Hà Nội | 26 Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                     | 19/9/2018- |   |   |   | Đại diện vốn Nhà nước |
| 1  | Bùi Thái Trạc       |   |                 | 110004672 | 08/01/2008 | Công an Hà Tây     | Số 12, ngách 531/40/7 Bát Khối, Thạch Bàn, Long                    |            |   |   |   | Bố đẻ                 |





|    |                        |  |  |  |  |              |            |  |                                                                      |                                                                                 |  |  |  |  |  |                       |
|----|------------------------|--|--|--|--|--------------|------------|--|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|-----------------------|
|    |                        |  |  |  |  |              |            |  | xã hội                                                               |                                                                                 |  |  |  |  |  |                       |
| 7  | Vũ Phương<br>Diệp      |  |  |  |  | 151501262    |            |  | Công an<br>thành phố<br>Hà Nội                                       | SN 28, Ngõ 12<br>đường Phạm Thế<br>Hiển, KĐT II, Trần<br>Hung Đạo, Thái<br>Bình |  |  |  |  |  | Con gái               |
| 8  | Đào Thị<br>Duyên       |  |  |  |  | 151542698    | 20/08/2011 |  | Công an<br>Thái Bình                                                 | SN 08, Tổ 3,<br>Phường Trần Hưng<br>Đạo, TP. Thái Bình                          |  |  |  |  |  | Con dâu               |
| 9  | Vương<br>Quốc<br>Dương |  |  |  |  | 051085000377 | 08/10/2018 |  | Cục trưởng<br>cục cảnh<br>sát ĐKQL<br>cư trú và<br>DLQG về<br>dân cư | SN 28, Ngõ 12<br>đường Phạm Thế<br>Hiển, KĐT II, Trần<br>Hung Đạo, Thái<br>Bình |  |  |  |  |  | Con rể                |
| 10 | Vũ Xuân<br>Chiều       |  |  |  |  | 034049001623 | 07/12/2016 |  | Cục trưởng<br>cục cảnh<br>sát ĐKQL<br>cư trú và<br>DLQG về<br>dân cư | Xã An Bồi, Huyện<br>Kiến Xương, Tỉnh<br>Thái Bình                               |  |  |  |  |  | Anh trai              |
| 11 | Tạ Thị Ty              |  |  |  |  |              |            |  |                                                                      |                                                                                 |  |  |  |  |  | Chị<br>dâu(đã<br>mất) |
| 12 | Vũ Văn Lập             |  |  |  |  |              |            |  |                                                                      |                                                                                 |  |  |  |  |  | Anh Trai<br>(đã mất)  |
| 13 | Vũ Thị<br>Thảo         |  |  |  |  | 034154004680 | 16/05/2018 |  | Cục trưởng<br>cục cảnh<br>sát ĐKQL<br>cư trú và                      | Thôn Trình Nhất<br>Tây, Xã An Ninh,<br>Huyện Tiền Hải,<br>tỉnh Thái Bình        |  |  |  |  |  | Chị gái               |



|    |                      |   |   |              |            |                    |                                                     |  |  |  |                |
|----|----------------------|---|---|--------------|------------|--------------------|-----------------------------------------------------|--|--|--|----------------|
| 2  | Trần Thị Hương       |   |   | 160497718    | 25/07/2013 | Công an Nam Định   | xã Hải phương, Hải Hậu, Nam định                    |  |  |  | Mẹ đẻ          |
| 3  | Lê Thị Thu Hương     |   |   | 010409839    | 19/09/2013 | Công an TP. Hà Nội | 690 Minh Khai, p. Vĩnh Tuy, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội |  |  |  | Vợ             |
| 4  | Nguyễn Thị Hương Trà |   |   | 001188017592 | 21/05/2018 | Công an TP. Hà Nội | 690 Minh Khai, p. Vĩnh Tuy, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội |  |  |  | Con gái        |
| 5  | Nguyễn Thanh Tùng    |   |   | 001095016478 | 23/10/2018 | Công an TP. Hà Nội | 690 Minh Khai, p. Vĩnh Tuy, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội |  |  |  | Con trai       |
| 6  | Nguyễn Văn Thu       |   |   |              |            |                    | xã Hải phương, Hải Hậu, Nam định                    |  |  |  | Anh trai       |
| 7  | Nguyễn Hữu Minh      |   |   |              |            |                    | xã Hải phương, Hải Hậu, Nam định                    |  |  |  | Em trai        |
| 8  | Nguyễn Văn Hồng      |   |   |              |            |                    | xã Hải phương, Hải Hậu, Nam định                    |  |  |  | Em trai        |
| 9  | Nguyễn Thị Chiên     |   |   |              |            |                    | xã Hải phương, Hải Hậu, Nam định                    |  |  |  | Em gái         |
| 10 | Nguyễn Thị Kiều      |   |   |              |            |                    | xã Hải phương, Hải Hậu, Nam định                    |  |  |  | Em gái         |
| 11 | Lê Văn Thường        | - | - | -            | -          | -                  | -                                                   |  |  |  | Bố vợ (đã mất) |
| 12 | Nguyễn Thị Kim Phụng | - | - | 010131558    | 15/06/2005 | Công an TP. Hà Nội | 690 Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội |  |  |  | Mẹ vợ          |

| <b>BAN KIỂM SOÁT (BKS)</b> |                               |                       |                     |                   |                                                               |                                                                            |                  |  |          |
|----------------------------|-------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------|--|----------|
|                            | <b>Bà Phạm<br/>Hoàng Minh</b> | <b>Trưởng<br/>BKS</b> | <b>011840222</b>    | <b>06/10/2020</b> | <b>Công an TP. Hà Nội</b>                                     | <b>an 12</b><br><b>12 Lĩnh Nam, Mai<br/>Mai Động, Hoàng Mai<br/>Hà Nội</b> | <b>26/6/2020</b> |  |          |
| 1                          | Nguyễn<br>Hoàng Hiệp          |                       | 027076000538        | 12/8/2019         | Cục cảnh<br>sát quản lý<br>hành chính<br>và trật tự<br>xã hội | 25 Nguyễn<br>Giản Hoàn<br>kiếm, Hà<br>Nội                                  | 26/6/2020        |  | Chồng    |
| 2                          | Nguyễn<br>Hoàng Ngân          |                       | 001304000898        | 04/05/2018        | Cục cảnh<br>sát quản lý<br>hành chính<br>và trật tự<br>xã hội | 12 Lĩnh Nam, Mai<br>Động, Hoàng<br>Mai Hà nội                              | 26/6/2020        |  | Con đẻ   |
| 3                          | Nguyễn<br>Hoàng Lê<br>Vy      |                       | Học sinh<br>Còn nhỏ |                   |                                                               | 12 Lĩnh Nam, Mai<br>Động, Hoàng<br>Mai Hà nội                              | 26/6/2020        |  | Con đẻ   |
| 4                          | Phạm<br>Hoàng Ninh            |                       | 042029000002        | 12/08/2013        | Cục cảnh<br>sát quản lý<br>hành chính<br>và trật tự<br>xã hội | 12 Lĩnh Nam, Mai<br>Động, Hoàng<br>Mai Hà nội                              | 26/6/2020        |  | Bố đẻ    |
| 5                          | Nguyễn Thị<br>Đào             |                       | 001144000090        | 29/7/2013         | Cục cảnh<br>sát quản lý<br>hành chính<br>và trật tự<br>xã hội | 12 Lĩnh Nam, Mai<br>Động, Hoàng<br>Mai Hà nội                              | 26/6/2020        |  | Mẹ đẻ    |
| 6                          | Phạm Hoài<br>Đức              |                       | 001070004378        | 07/7/2015         | Cục cảnh<br>sát quản lý<br>hành chính<br>và trật tự<br>xã hội | 12 Lĩnh Nam, Mai<br>Động, Hoàng<br>Mai Hà nội                              | 26/6/2020        |  | Anh Trai |

|    |                          |                |  |              |            |                                                   |                                                                                            |            |   |   |          |
|----|--------------------------|----------------|--|--------------|------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---|---|----------|
| 7  | Phạm Đức Thọ             |                |  | 011902405    | 19/05/2011 | Công an TP. Hà Nội                                | 3 q21 bgox 134 Nguyễn An Ninh Hoàng Mai Hà nội                                             | 26/6/2020  |   |   | Anh Trai |
| 8  | Vũ Thị Mỹ Hằng           |                |  | 001176002789 |            | Cục cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội | 3 q21 bgox 134 Nguyễn An Ninh Hoàng Mai Hà nội                                             | 26/6/2020  |   |   | Chị dâu  |
| 9  | Nguyễn Mạnh Hùng         |                |  | 036043000293 | 11/07/2016 | Cục cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội | 25 Nguyễn Tuân Giám Hoàn kiểm, Hà nội                                                      | 26/6/2020  |   |   | Bố chồng |
| 10 | Lê Thị Mai               |                |  | 027145000055 | 11/07/2016 | Cục cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội | 25 Nguyễn Tuân Giám Hoàn kiểm, Hà nội                                                      | 26/6/2020  |   |   | Mẹ chồng |
|    | Bà Nguyễn Thị Thanh Uyên | Thành viên BKS |  | 013369401    | 02/12/2010 | Công an TP Hà Nội                                 | P1830 VP5, Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội | 20/09/2018 | - | - | -        |
| 1  | Đặng Thanh Dũng          |                |  | 013012696    | 06/02/2014 | Công an TP Hà Nội                                 | P1830 VP5, Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội | 20/09/2018 | - | - | Chồng    |
| 2  | Đặng Nhật Quang          |                |  |              |            |                                                   | P1830 VP5, Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh                                           | 20/09/2018 |   |   |          |





|   |                             |  |  |              |            |                                                        |                                                                           |  |  |   |                   |
|---|-----------------------------|--|--|--------------|------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--|--|---|-------------------|
| 1 | Bà Tô Thị<br>Phượng         |  |  | 001164000812 | 29/05/2014 | Cục cảnh sát<br>ĐKQL cư<br>trú và<br>DLQG về<br>dân cư | 2A ngõ 189/61/6<br>Hoàng Hoa<br>Thám, phường<br>Liễu Giai, Ba<br>Đình, HN |  |  | . | Vợ                |
| 2 | Nguyễn Thị<br>Phượng<br>Nga |  |  | 012902088    | 11/7/2012  | Cục cảnh sát<br>ĐKQL cư<br>trú và<br>DLQG về<br>dân cư | 2A ngõ 189/61/6<br>Hoàng Hoa<br>Thám, phường<br>Liễu Giai, Ba<br>Đình, HN |  |  |   | Con gái           |
| 3 | Nguyễn Thị<br>Phượng<br>Anh |  |  | 001300013856 | 07/07/2015 | Cục cảnh sát<br>ĐKQL cư<br>trú và<br>DLQG về<br>dân cư | 2A ngõ 189/61/6<br>Hoàng Hoa<br>Thám, phường<br>Liễu Giai, Ba<br>Đình, HN |  |  |   | Con gái           |
| 4 | Nguyễn Sỹ<br>Cần            |  |  |              |            |                                                        |                                                                           |  |  |   | Bố đẻ (đã<br>mất) |
| 5 | Thái Thị<br>Bạch Tuyết      |  |  |              |            |                                                        |                                                                           |  |  | . | Mẹ đẻ<br>(đã mất) |
| 6 | Tô Hòa                      |  |  |              |            |                                                        |                                                                           |  |  |   | Bố vợ (đã<br>mất) |
| 7 | Nguyễn Thị<br>Oanh          |  |  |              |            |                                                        | 2A ngõ 189/61/6<br>Hoàng Hoa<br>Thám, phường<br>Liễu Giai, Ba<br>Đình, HN |  |  |   | Mẹ vợ             |
| 8 | Nguyễn Sỹ<br>Minh           |  |  |              | .          |                                                        | Quận Nam Từ<br>liên, HN                                                   |  |  |   | Anh trai          |

|    |                           |  |  |  |  |  |  |                             |                                              |  |  |  |  |                |
|----|---------------------------|--|--|--|--|--|--|-----------------------------|----------------------------------------------|--|--|--|--|----------------|
| 9  | Nguyễn Sỹ Bình            |  |  |  |  |  |  |                             | Quận Hai Bà Trưng, HN                        |  |  |  |  | Anh trai       |
| 10 | Nguyễn Sỹ Tuấn            |  |  |  |  |  |  |                             | Quận Ba Đình, HN                             |  |  |  |  | Anh trai       |
| 11 | Nguyễn Sỹ Tú              |  |  |  |  |  |  |                             | TP Vinh, Nghệ An                             |  |  |  |  | Anh trai       |
|    | <b>Ông Bùi Tiến Thanh</b> |  |  |  |  |  |  | <b>Phó Giám đốc Công ty</b> |                                              |  |  |  |  |                |
| 1  | Bùi Văn Cách              |  |  |  |  |  |  |                             | Xã Đông Hòa, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình |  |  |  |  | Bố đẻ          |
| 2  | Nguyễn Thị Trung          |  |  |  |  |  |  |                             |                                              |  |  |  |  | Mẹ đẻ (đã mất) |
| 3  | Nguyễn Huy Lê             |  |  |  |  |  |  |                             |                                              |  |  |  |  | Bố vợ (đã mất) |
| 4  | Chu Thị Phương            |  |  |  |  |  |  |                             |                                              |  |  |  |  | Mẹ vợ          |
| 5  | Nguyễn Thị Khang          |  |  |  |  |  |  |                             |                                              |  |  |  |  | Vợ             |
| 6  | Bùi Hải Sơn               |  |  |  |  |  |  |                             |                                              |  |  |  |  | Con trai       |
| 7  | Bùi Duy Anh               |  |  |  |  |  |  |                             |                                              |  |  |  |  | Con trai       |

|    |                           |                |           |            |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                  |
|----|---------------------------|----------------|-----------|------------|-----------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|------------------|
| 8  | Vũ Thị Ngọc Mai           |                |           |            |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Con dâu          |
| 9  | Bùi Thị Thỏa              |                |           |            |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Chị gái          |
| 10 | Bùi Thị Thảo              |                |           |            |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Em gái           |
| 11 | Bùi Tiến Tuấn             |                |           |            |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Em trai          |
| 12 | Bùi Duy Phương            |                |           |            |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Em trai (đã mất) |
| 13 | Bùi Mạnh Tiến             |                |           |            |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                  |
| 14 | Bùi Tiên Duy              |                |           |            |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                  |
|    | <b>Ông Tổng Đức Quang</b> |                |           |            |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                  |
|    |                           | Kế toán trưởng | 013401744 | 24/03/2011 | TP.Hà Nội |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                  |
|    |                           |                |           |            |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                  |
| 1  | Vũ Thị Ánh Hồng           |                |           |            |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Vợ               |
| 2  | Tổng Gia Khoa             |                |           |            |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Con trai         |

|    |                    |      |  |  |  |              |            |  |  |                                                     |  |  |  |                   |
|----|--------------------|------|--|--|--|--------------|------------|--|--|-----------------------------------------------------|--|--|--|-------------------|
| 3  | Tổng Khoa          | Hà   |  |  |  |              |            |  |  | Tổ dân phố<br>Đình, P.Đại Mỗ,<br>Nam Từ Liêm,<br>HN |  |  |  | Con trai          |
| 4  | Tổng Xuân<br>Lợi   |      |  |  |  |              |            |  |  | Ninh Giang, Hoa<br>Lư, Ninh Bình                    |  |  |  | Bố đẻ (đã<br>mất) |
| 5  | Bùi Đường          | Thị  |  |  |  |              |            |  |  | Ninh Giang, Hoa<br>Lư, Ninh Bình                    |  |  |  | Mẹ đẻ<br>(đã mất) |
| 6  | Vũ Tài             | Đình |  |  |  |              |            |  |  | P.Đại Phúc,<br>TP.Bắc Ninh,<br>T.Bắc Ninh           |  |  |  | Bố vợ (đã<br>mất) |
| 7  | Nguyễn Thị<br>Lan  |      |  |  |  |              |            |  |  | P.Đại Phúc,<br>TP.Bắc Ninh,<br>T.Bắc Ninh           |  |  |  | Mẹ vợ             |
| 8  | Tổng Thành<br>Hoàn |      |  |  |  | 037077002678 | 17/12/2019 |  |  | Ninh Giang, Hoa<br>Lư, Ninh Bình                    |  |  |  | Em trai           |
| 9  | Vũ Hồng<br>Nhưng   | Thị  |  |  |  | 037187003421 | 21/08/2018 |  |  | Ninh Giang, Hoa<br>Lư, Ninh Bình                    |  |  |  | Em dâu            |
| 10 | Tổng Hiền          | Thị  |  |  |  | 037181002919 | 24/09/2018 |  |  | Ninh Giang, Hoa<br>Lư, Ninh Bình                    |  |  |  | Em gái            |
| 11 | Bùi Bấy            | Văn  |  |  |  | 164285686    | 10/08/2006 |  |  | Ninh Giang, Hoa<br>Lư, Ninh Bình                    |  |  |  | Em rể             |
| 12 | Tổng Lương         | Thị  |  |  |  | 037187000719 | 30/05/2016 |  |  | Tổ dân phố<br>Đình, P.Đại Mỗ,<br>Nam Từ Liêm,<br>HN |  |  |  | Em gái            |

Ghi chú: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh

nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có thông tin.

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... nêu rõ ngày ban hành | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|     |                     |                                   |                                     |                                       |                                 |                                                                   |                                            |         |

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có thông tin.

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại CTNY | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------|
|     |                           |                          |                  |                                     |         |                                                      |                     |                                            |         |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có thông tin.

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác

## VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)

### 1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của Công ty

| Stt | Họ tên                    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp                                        | Địa chỉ liên hệ                                                            | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---------------------------|------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
|     | <b>Ông Phạm Văn Lượng</b> | -                                        | <b>Chủ tịch HĐQT</b>         | <b>036069003077; 28/07/2017; Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư</b> | <b>Tập thể Dệt, tổ DP 4, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội</b>                       | <b>1.383.400</b>           | <b>27,67</b>                  |         |
| 1   | Phạm Thị Chuột            | -                                        | -                            | -                                                                           | -                                                                          | 0                          | 0                             |         |
| 2   | Nguyễn Thị Tuyết          |                                          |                              |                                                                             | số 12 A tổ dân phố 16 đường Ngô Quyền, phường Quang Trung, hà Đông, Hà Nội | 0                          | 0                             |         |
| 3   | Phạm Quỳnh Chi            |                                          |                              |                                                                             | số 12 A tổ dân phố 16 đường Ngô Quyền, phường Quang Trung, hà Đông, Hà Nội | 0                          | 0                             |         |
| 4   | Phạm Mai Hân              |                                          |                              |                                                                             | số 12 A tổ dân phố 16 đường Ngô Quyền, phường Quang Trung, hà Đông, Hà Nội | 0                          | 0                             |         |
| 5   | Phạm Tuấn Kiệt            |                                          |                              |                                                                             | Cầu Đất, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội                                            | 0                          | 0                             |         |
| 6   | Phạm Ngọc Anh             |                                          |                              |                                                                             | Quận Long Biên, Hà Nội                                                     | 0                          | 0                             |         |

|    |                            |  |                        |                                                    |                                                                           |                |             |
|----|----------------------------|--|------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
| 7  | Phạm văn Hào               |  |                        |                                                    | xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, Nam Định                                      | 0              | .0          |
| 8  | Phạm Thị Mỹ                |  |                        |                                                    | xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, Nam Định                                      | 0              | 0           |
| 9  | Phạm Văn Lịch              |  |                        |                                                    | Lĩnh Nam, Thanh Trì, Hà Nội                                               | 0              | 0           |
| 10 | Phạm Thị Miến              |  |                        |                                                    | xã Hải Đường, huyện Hải Hậu, Nam Định                                     | 0              | 0           |
| 11 | Phạm Thị Hiến              |  |                        |                                                    | xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, Nam Định                                      | 0              | 0           |
| 12 | Phạm Thị Mến               |  |                        |                                                    | xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, Nam Định                                      | 0              | 0           |
| 13 | Nguyễn Vũ Hiệp             |  |                        |                                                    | số 419 Đường Quang trung, phường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội             | 0              | 0           |
| 14 | Trương Thị Đào             |  |                        |                                                    | số 419 Đường Quang trung, phường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội             | 0              | 0           |
|    | <b>Bà Nguyễn Diệp Linh</b> |  | <b>Thành viên HĐQT</b> | <b>011846768; Số 21/6/2008; Công an TP. Hà Nội</b> | <b>Số 7C ngõ Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội</b> | <b>759.900</b> | <b>15,2</b> |
| 1  | Nguyễn Ngọc Giao           |  |                        |                                                    | Số 30 ngõ 80 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội                             | 0              | 0           |
| 2  | Nguyễn Thị Diệp            |  |                        |                                                    | Số 30 ngõ 80 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội                             | 0              | 0           |
| 3  | Nguyễn Thị Thực Phương     |  |                        |                                                    | Nhà 15 lô A5 Đàm Trầu, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội                    | 0              | 0           |
| 4  | Nguyễn Minh Tâm            |  |                        | <b>011715230; 19/01/2010; Công an TP. Hà Nội</b>   | Số 7C ngõ Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội        | 0              | 0           |
| 5  | Nguyễn Minh Đức            |  |                        |                                                    | Số 7C ngõ Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội        | 0              | 0           |

|    |                            |  |                        |                                                      |                                                                    |                |              |  |
|----|----------------------------|--|------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------|--------------|--|
| 6  | Nguyễn Minh Anh            |  |                        |                                                      | Số 7C ngõ Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 0              | 0            |  |
| 7  | Nguyễn Hoàng Trinh         |  |                        | 012062981;<br>20/9/2012; Công an TP. Hà Nội          | Số 30 ngõ 80 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội                      | 0              | 0            |  |
| 8  | Ngô Nguyễn Cẩm Tú          |  |                        | 271737839;<br>15/11/2001; Công an Đồng Nai           | Số 30 ngõ 80 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội                      | 0              | 0            |  |
| 9  | Nguyễn Phương Lan          |  |                        | .                                                    | 71229 Leonberg Rutesheimer Str.15, CHLB Đức.                       | 0              | 0            |  |
| 10 | Nguyễn Châu Thành          |  |                        |                                                      | Nhà 15 lô A5 Đầm Trấu, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.            | 0              | 0            |  |
| 11 | Nguyễn Tuyết Mai           |  |                        |                                                      | Nhà 15 lô A5 Đầm Trấu, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.            | 0              | 0            |  |
|    | <b>Bà Bùi Thị Thái Nam</b> |  | <b>Thành viên HĐQT</b> | <b>012853546;<br/>23/03/2006; Công an TP. Hà Nội</b> | <b>26 Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội</b>                              | <b>752.100</b> | <b>15,04</b> |  |
| 1  | Bùi Thái Trạc              |  |                        | 110004672                                            | Số 12, ngách 531/40/7 Bát Khối, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội       | 0              | 0            |  |
| 2  | Trương Thị Nghệ            |  |                        | 035148000043                                         | Số 12, ngách 531/40/7 Bát Khối, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội       | 0              | 0            |  |
| 3  | Trần Lân                   |  |                        | 010024003                                            | P1602- 25 Lạc Trung, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội                | 0              | 0            |  |
| 4  | Trần Quang Minh            |  |                        | 010176361                                            | 26 Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                     | 0              | 0            |  |
| 5  | Trần Khuê Anh              |  |                        | 001301014643                                         | 26 Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                     | 0              | 0            |  |
| 6  | Trần Ngọc Khánh Lâm        |  |                        | -                                                    | 26 Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                     | 0              | 0            |  |
| 7  | Bùi Thái Anh               |  |                        | 001079028503                                         | Số 12, ngách 531/40/7 Bát Khối, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội       | 0              | 0            |  |

|    |                        |  |                            |                                     |                                                                                                   |               |             |
|----|------------------------|--|----------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------|
| 8  | Nguyễn Thị Hà          |  |                            | 121358158                           | Số 12, ngách 531/40/7 Bát Khối,<br>Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội                                   | 0             | 0           |
| 9  | Trần Thị Tuyết Mai     |  |                            | 001159000658                        | T3-2304 CC Ancora- Số 3 Lương<br>Yên, Hai Bà Trưng, Hà Nội                                        | 0             | 0           |
| 10 | Trần Thị Quỳnh<br>Mai  |  |                            | 001169011970                        | Số 14, Ngõ 31, Kim Mã, Ba Đình,<br>Hà Nội                                                         | 0             | 0           |
|    | <b>Ông Vũ Huy Đông</b> |  | <b>Thành viên<br/>HĐQT</b> | <b>034055003633;<br/>23/10/2017</b> | <b>Số 52, Ngõ 74 - Trần Nhật Duật -<br/>Tổ 53 - Phường Bồ Xuyên -<br/>Thành Phố Thái Bình</b>     | <b>68.500</b> | <b>1,37</b> |
| 1  | Lương Thị Dung         |  |                            | 034157001180                        | Số nhà 01, đường Lê Trọng Thứ,<br>KĐT Trần Hưng Đạo, Phường Trần<br>Hưng Đạo- Thành Phố Thái Bình | 0             | 0           |
| 2  | Vũ Huy Đức             |  |                            | 034079008512                        | SN 08, Tổ 3, Phường Trần Hưng<br>Đạo, TP. Thái Bình                                               | 0             | .0          |
| 3  | Vũ Phương Diệp         |  |                            | 151501262                           | SN 28, Ngõ 12 đường Phạm Thế<br>Hiển, KĐT II, Trần Hưng Đạo,<br>Thái Bình                         | 0             | 0           |
| 4  | Đào Thị Duyên          |  |                            | 151542698                           | SN 08, Tổ 3, Phường Trần Hưng<br>Đạo, TP. Thái Bình                                               | 0             | 0           |
| 5  | Vương Quốc<br>Dương    |  |                            | 051085000377                        | SN 28, Ngõ 12 đường Phạm Thế<br>Hiển, KĐT II, Trần Hưng Đạo,<br>Thái Bình                         | 0             | 0           |
| 6  | Vũ Xuân Chiều          |  |                            | 034049001623                        | Xã An Bồi, Huyện Kiến Xương,<br>Tỉnh Thái Bình                                                    | 0             | 0           |
| 7  | Vũ Thị Thảo            |  |                            | 034154004680                        | Thôn Trinh Nhất Tây, Xã An Ninh,<br>Huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình                                | 0             | 0           |
| 8  | Vũ Thị Thoa            |  |                            | 151464407                           | SN 606 Lê Thánh Tông, P Trần<br>Hưng Đạo, thành phố Thái Bình                                     | 0             | 0           |
| 9  | Hoàng Thanh Văn        |  |                            |                                     |                                                                                                   | 0             | 0           |
| 10 | Vũ Thị Xuân            |  |                            | 034160004526                        | Thôn Trinh Nhất Tây, Xã An Ninh,<br>Huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình                                | 0             | .0          |

|    |                                 |  |                            |                                                             |                                                                                               |               |   |              |  |
|----|---------------------------------|--|----------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---|--------------|--|
| 11 | Phùng Văn Phú                   |  |                            |                                                             |                                                                                               |               | 0 | 0            |  |
| 12 | Công Ty Cổ Phần<br>DamSan       |  |                            | 1000389853                                                  | Lô A4 đường Bùi Viện, KCN<br>Nguyễn Đức Cảnh, P. Trần Hưng<br>Đạo, TP Thái Bình, T. Thái Bình | 1.500.000     |   | 30           |  |
|    | <b>Ông Nguyễn Văn<br/>Thông</b> |  | <b>Thành viên<br/>HĐQT</b> | <b>036058003633;<br/>31/01/2018; Công an<br/>TP. Hà Nội</b> | <b>690 Minh Khai, p. Vĩnh Tuy, q.<br/>Hai Bà Trưng, Hà Nội</b>                                | <b>50.000</b> |   |              |  |
| 1  | Trần Thị Hương                  |  |                            | 160497718                                                   | xã Hải phương, Hải Hậu, Nam định                                                              | 0             | 0 |              |  |
| 2  | Lê Thị Thu Hương                |  |                            | 010409839                                                   | 690 Minh Khai, p. Vĩnh Tuy, q. Hai<br>Bà Trưng, Hà Nội                                        | 0             | 0 |              |  |
| 3  | Nguyễn Thị Hương<br>Trà         |  |                            | 001188017592                                                | 690 Minh Khai, p. Vĩnh Tuy, q. Hai<br>Bà Trưng, Hà Nội                                        | 0             | 0 |              |  |
| 4  | Nguyễn Thanh<br>Tùng            |  |                            | 001095016478                                                | 690 Minh Khai, p. Vĩnh Tuy, q. Hai<br>Bà Trưng, Hà Nội                                        | 0             | 0 |              |  |
| 5  | Nguyễn Văn Thu                  |  |                            |                                                             | xã Hải phương, Hải Hậu, Nam định                                                              | 0             | 0 |              |  |
| 6  | Nguyễn Hữu Minh                 |  |                            |                                                             | xã Hải phương, Hải Hậu, Nam định                                                              | 0             | 0 |              |  |
| 7  | Nguyễn Văn Hồng                 |  |                            |                                                             | xã Hải phương, Hải Hậu, Nam định                                                              | 0             | 0 |              |  |
| 8  | Nguyễn Thị Chiên                |  |                            |                                                             | xã Hải phương, Hải Hậu, Nam định                                                              | 0             | 0 |              |  |
| 9  | Nguyễn Thị Kiều                 |  |                            |                                                             | xã Hải phương, Hải Hậu, Nam định                                                              | 0             | 0 |              |  |
| 10 | Nguyễn Thị Kim<br>Phượng        |  |                            | 010131558                                                   | 690 Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q.<br>Hai Bà Trưng, Hà Nội                                        | 0             | 0 |              |  |
|    | <b>Bà Phạm Hoàng<br/>Minh</b>   |  | <b>Trưởng BKS</b>          | <b>011840222;<br/>06/10/2020; Công an<br/>TP. Hà Nội</b>    | <b>12 Lĩnh Nam, Mai Động, Hoàng<br/>Mai Hà nội</b>                                            | <b>3.700</b>  |   | <b>0,074</b> |  |
| 1  | Nguyễn Hoàng<br>Hiệp            |  |                            | 027076000538                                                | 25 Nguyễn Tư Giản Hoàn kiếm, Hà<br>nội                                                        | 0             | 0 |              |  |

|    |                                 |  |                       |                                                 |                                                                                                                                                                    |              |             |
|----|---------------------------------|--|-----------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2  | Nguyễn Hoàng Ngân               |  |                       | 001304000898                                    | 12 Lĩnh Nam, Mai Động, Hoàng Mai Hà nội                                                                                                                            | 0            | 0           |
| 3  | Nguyễn Hoàng Lê Vy              |  |                       | Học sinh Còn nhỏ                                | 12 Lĩnh Nam, Mai Động, Hoàng Mai Hà nội                                                                                                                            | 0            | 0           |
| 4  | Phạm Hoàng Ninh                 |  |                       | 042029000002                                    | 12 Lĩnh Nam, Mai Động, Hoàng Mai Hà nội                                                                                                                            | 0            | 0           |
| 5  | Nguyễn Thị Đào                  |  |                       | 001144000090                                    | 12 Lĩnh Nam, Mai Động, Hoàng Mai Hà nội                                                                                                                            | 0            | 0           |
| 6  | Phạm Hoài Đức                   |  |                       | 001070004378                                    | 12 Lĩnh Nam, Mai Động, Hoàng Mai Hà nội                                                                                                                            | 0            | 0           |
| 7  | Phạm Đức Thọ                    |  |                       | 011902405                                       | 3 q21 bgox 134 Nguyễn An Ninh Hoàng Mai Hà nội                                                                                                                     | 0            | 0           |
| 8  | Vũ Thị Mỹ Hằng                  |  |                       | 001176002789                                    | 3 q21 bgox 134 Nguyễn An Ninh Hoàng Mai Hà nội                                                                                                                     | 0            | 0           |
| 9  | Nguyễn Mạnh Hùng                |  |                       | 036043000293                                    | 25 Nguyễn Tư Giản Hoàn kiếm, Hà nội                                                                                                                                | 0            | 0           |
| 10 | Lê Thị Mai                      |  |                       | 027145000055                                    | 25 Nguyễn Tư Giản Hoàn kiếm, Hà nội                                                                                                                                | 0            | 0           |
|    | <b>Bà Nguyễn Thị Thanh Uyên</b> |  | <b>Thành viên BKS</b> | <b>013369401; 02/12/2010; Công an TP Hà Nội</b> | <b>P1830 VP5, Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội</b>                                                                  | <b>1.000</b> | <b>0,02</b> |
| 1  | Đặng Thanh Dũng                 |  |                       | 013012696                                       | P1830 VP5, Khu dịch vụ tổng hợp 2và nhà ở Hồ Linh Đàm, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội                                                                        | 0            | 0           |
| 2  | Đặng Nhật Quang                 |  |                       | -                                               | P1830 VP5, Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội - đang học lớp 2A14, Trường Tiểu học Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội | 0            | 0           |
| 3  | Đặng Minh Nhật                  |  |                       | -                                               | P1830 VP5, Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, P.Hoàng                                                                                                      | 0            | 0           |



|   |                       |     |  |                       |                                                                                 |                                                                     |       |       |  |
|---|-----------------------|-----|--|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------|-------|--|
| 3 | Nguyễn<br>Phương Anh  | Thị |  |                       | 001300013856                                                                    | 2A ngõ 189/61/6 Hoàng Hoa<br>Thám, phường Liễu Giai, Ba Đình,<br>HN | 0     | .0    |  |
| 4 | Nguyễn Thị Oanh       |     |  |                       |                                                                                 | 2A ngõ 189/61/6 Hoàng Hoa<br>Thám, phường Liễu Giai, Ba Đình,<br>HN | 0     | 0     |  |
| 5 | Nguyễn Sỹ Minh        |     |  |                       |                                                                                 | Quận Nam Từ liên, HN                                                | 0     | 0     |  |
| 6 | Nguyễn Sỹ Bình        |     |  |                       |                                                                                 | Quận Hai Bà Trưng, HN                                               | 0     | 0     |  |
| 7 | Nguyễn Sỹ Tuấn        |     |  |                       |                                                                                 | Quận Ba Đình, HN                                                    | 0     | 0     |  |
| 8 | Nguyễn Sỹ Tú          |     |  |                       |                                                                                 | TP Vinh, Nghệ An                                                    | 0     | 0     |  |
|   | Ông Bùi Tiến<br>Thanh |     |  | Ông Bùi Tiến<br>Thanh | 034063002571;<br>25/3/2016; Cục<br>Cảnh sát ĐKQL cư<br>trú và DLQG về<br>dân cư | Số 171, tổ 14, Phương Liên, Đống<br>Đa, Hà Nội                      | 6.800 | 0,136 |  |
| 1 | Bùi Văn Cách          |     |  |                       |                                                                                 | Xã Đông Hòa, Huyện Đông Hưng,<br>Tỉnh Thái Bình                     | 0     | .0    |  |
| 2 | Chu Thị Phương        |     |  |                       |                                                                                 |                                                                     | 0     | 0     |  |
| 3 | Nguyễn Thị Khang      |     |  |                       |                                                                                 |                                                                     | 0     | 0     |  |
| 4 | Bùi Hải Sơn           |     |  |                       |                                                                                 |                                                                     | 0     | 0     |  |
| 5 | Bùi Duy Anh           |     |  |                       |                                                                                 |                                                                     | 0     | 0     |  |
| 6 | Vũ Thị Ngọc Mai       |     |  |                       |                                                                                 |                                                                     | 0     | 0     |  |
| 7 | Bùi Thị Thòa          |     |  |                       | .                                                                               |                                                                     | 0     | 0     |  |

|    |                           |  |  |                       |                                                      |                                                   |              |              |   |
|----|---------------------------|--|--|-----------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------|--------------|---|
| 8  | Bùi Thị Thảo              |  |  |                       |                                                      |                                                   |              | 0            | 0 |
| 9  | Bùi Tiến Tuấn             |  |  |                       |                                                      |                                                   |              | 0            | 0 |
| 10 | Bùi Mạnh Tiến             |  |  |                       |                                                      |                                                   |              | 0            | 0 |
| 11 | Bùi Duy Tiên              |  |  |                       |                                                      |                                                   |              | 0            | 0 |
|    | <b>Ông Tống Đức Quang</b> |  |  | <b>Kế toán trưởng</b> | <b>013401744;<br/>24/03/2011; Công an TP. Hà Nội</b> | <b>Tổ dân phố Đình, P.Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, HN</b> | <b>3.900</b> | <b>0,078</b> |   |
| 1  | Vũ Thị Ánh Hồng           |  |  |                       | 013401743                                            | Tổ dân phố Đình, P.Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, HN        | 0            | 0            |   |
| 2  | Tống Gia Khoa             |  |  |                       |                                                      | Tổ dân phố Đình, P.Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, HN        | 0            | 0            |   |
| 3  | Tống Hà Khoa              |  |  |                       |                                                      | Tổ dân phố Đình, P.Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, HN        | 0            | 0            |   |
| 4  | Nguyễn Thị Lan            |  |  |                       |                                                      | P.Đại Phúc, TP.Bắc Ninh, T.Bắc Ninh               | 0            | 0            |   |
| 5  | Tống Thành Hoàn           |  |  |                       | 037077002678                                         | Ninh Giang, Hoa Lư, Ninh Bình                     | 0            | 0            |   |
| 6  | Vũ Thị Hồng Nhung         |  |  |                       | 037187003421                                         | Ninh Giang, Hoa Lư, Ninh Bình                     | 0            | 0            |   |
| 7  | Tống Thị Hiền             |  |  |                       | 037181002919                                         | Ninh Giang, Hoa Lư, Ninh Bình                     | 0            | 0            |   |
| 8  | Bùi Văn Bảy               |  |  |                       | 164285686                                            | Ninh Giang, Hoa Lư, Ninh Bình                     | 0            | 0            |   |
| 9  | Tống Thị Lương            |  |  |                       | 037187000719                                         | Tổ dân phố Đình, P.Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, HN        | 0            | 0            |   |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không có thông tin.

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                           |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
|     |                           |                          |                           |       |                            |       |                                                    |

#### IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- GD Công ty;
- Kế toán trưởng;
- Lưu: Thư ký Cty, Văn thư.

#### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH H.Đ. Q.T  
Phạm Văn Lương